TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 13 – 03 - 2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Thuận; bà Quách Thị Tình

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Lê Tiến Trường - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoàn - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2025/QĐST – HNGĐ ngày 18/02/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm: 1985

Nơi ĐKHKTT: Thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Khu phố P, thị trấn K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Bùi Ngọc H; sinh năm: 1985

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên toà vắng mặt chị L1 và anh H (Chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Bùi Ngọc H được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục của địa phương và đăng ký kết hôn tại UNBD xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 14/02/2008. Sau khi cưới chị L và anh H sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hoà hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên sảy ra cãi cọ, anh H hay rượu chè về chửi bới vợ con. Cuộc sống hôn nhân như vậy kéo dài khiến chị L vô cùng mệt mỏi và chán nản. Gia đình nội

ngoại hai bên, các cấp chính quyền thôn xã nhiều lần hòa giải nhưng không được. Anh H nhiều lần đuổi mẹ con chị L ra khỏi nhà vì thế chị L và các con cảm thấy áp lực và sợ hãi. Tháng 3/2024, anh H chửi bới và đuổi mẹ con chị L ra khỏi nhà nên chị L đã thuê nhà để ở, vợ chồng cũng đã ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai nữa. Nay chị L xác định tình cảm không còn, hạnh phúc đã tan vỡ. Chị L yêu cầu Toà án giải quyết cho chị L được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị L và anh H có 02 con chung là cháu Bùi Anh T, sinh ngày: 22/11/2008 và cháu Bùi Thị L2, sinh ngày: 16/7/2015. Sau khi ly hôn chị L có nguyện vọng nuôi cả hai cháu T và cháu L2, chị L yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L là 500.000 đồng/cháu/01 tháng, hai cháu là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập anh Bùi Ngọc H để nộp bản tự khai và thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh H đều vắng mặt không có lí do. Do đó không có ý kiến của anh H trong hồ sơ vụ án.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:**

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); nguyên đơn, đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83; 107; 110; 116 và 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Bùi Ngọc H.

Về con chung: Giao cháu Bùi Anh T, sinh ngày: 22/11/2008 và cháu Bùi Thị L2, sinh ngày: 16/7/2015 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L mỗi tháng 500.000 đồng cho một con, hai con là 1.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung tính từ tháng 03/2025 cho tới khi mỗi con đủ 18 tuổi.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị L và anh Bùi Ngọc H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn đối với anh Bùi Ngọc H. Anh H cư trú tại huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Nên xác định đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện

Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh H vắng mặt không có lí do, nên tòa án đã tiến hành mở phiên họp vắng mặt anh H và thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh H theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Anh H đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh H đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS. Anh H cũng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Chị Nguyễn Thị L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, tòa án xét xử vắng mặt chị L và anh H.

[2]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Bùi Ngọc H kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 14/02/2008 tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới, vợ chồng sống hòa thuận được một thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hoà hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên sảy ra cãi cọ, dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung và đã sống ly thân. Đến nay, chị L yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Bùi Ngọc H là phù hợp.

[3]. Về con chung: Vợ, chồng có 02 con chung là cháu Bùi Anh T, sinh ngày: 22/11/2008 và cháu Bùi Thị L2, sinh ngày: 16/7/2015. Khi ly hôn, chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu T và cháu L2. Yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị L mỗi tháng là 500.000 đồng cho mỗi con, hai con là 1.000.000 đồng/ tháng. Anh H không có ý kiến về nội dung này. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã lấy ý kiến của cháu T và cháu L2 cả hai cháu điều có nguyện vọng được ở với mẹ. Từ khi vợ, chồng ly thân hai con đều ở với chị L và được chị L trực tiếp chăm sóc, giáo dục. Xét yêu cầu của chị L là chính đáng và hợp pháp. Để đảm bảo cho các cháu có cuộc sống ổn định, tốt nhất. Vì vậy, HĐXX xét thấy nên giao cả hai con cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L theo yêu cầu của chị L là phù hợp đúng quy định.

[4]. Về tài sản: Chị L và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên hội đồng xét xử không xem xét.

5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; Anh Bùi Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi

con chung theo quy định của pháp luật. Số tiền chị L đã nộp tạm ứng án phí được trừ vào số tiền án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83; 107; 110; 116 và 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Bùi Ngọc H.

2. Về con chung: Giao cháu cả hai cháu Bùi Anh T, sinh ngày: 22/11/2008 và cháu Bùi Thị L2, sinh ngày: 16/7/2015 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L mỗi tháng 500.000 đ (Năm trăm nghìn đồng) cho mỗi con (Hai con là 1.000.000 đồng một tháng). Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung tính từ tháng 03/2025 cho tới khi mỗi con đủ 18 tuổi.

Anh Bùi Ngọc H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) chị L đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số 0002374 ngày 07/10/2024. Chị Nguyễn Thị L đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Anh Bùi Ngọc H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị Nguyễn Thị L và anh Bùi Ngọc H. Chị L và anh H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã Ngọc Trạo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa

Bùi Văn Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN		**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Đặng Văn Thuận	**Quách Thị Tình**	**Bùi Văn Hải**